

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠ HUOAI
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-4-2025
“*V/v Yêu cầu không công nhận là
vợ chồng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thanh Nga;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Bà Phan Thị Huệ - Kiểm sát viên.*

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phan Thị S, sinh năm: 1978, nơi cư trú: Thôn 2, xã Q, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: ông Đặng T, sinh năm: 1979, nơi cư trú: Thôn 2, xã Q, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, địa chỉ: Số 282, đường 30/4, Tổ dân phố 5C, thị trấn Đ, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Đại diện theo uỷ quyền bà Phan Thanh H- Chức vụ Phó giám đốc.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị S trình bày: Năm 1995 bà và ông T qua mai mối của hai bên gia đình rồi tiến tới hôn nhân và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương; sau đó có đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T nay là huyện Đạ Huoai làm thủ tục đăng ký kết hôn, được cấp giấy khai đăng ký kết hôn và chung sống

với nhau từ đó đến nay; Bà và ông T cho rằng đã đăng ký kết hôn nên không quan tâm đến việc đăng ký kết hôn đã đúng quy định hay chưa. Trong quá trình chung sống với nhau, giữa bà và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông T thường xuyên dùng bạo lực, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ông, bà không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 3 năm 2024 đến nay bà không còn sống chung với ông T, hai bên không quan tâm lẫn nhau nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn.

Về con chung bà S trình bày: bà và ông T có 3 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 22/10/1997, Đặng Thanh Q, sinh ngày 21/01/2003 và Đặng Thị Thu T1, sinh ngày 17/5/2011, hiện nay cháu N, cháu Q đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Khi ly hôn bà xin nuôi con chung tên Đặng Thị Thu T1 và bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông T tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà, ông T nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 168.000.000 đồng và số nợ này bà có trách nhiệm trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Đặng T trình bày: Năm 1995 ông và bà S qua mai mối tiến tới hôn nhân và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương; Sau đó ông, bà có đến Ủy ban nhân dân xã Quảng Ngãi, huyện C nay là huyện Đ làm thủ tục đăng ký kết hôn và được cấp giấy khai đăng ký kết hôn chung sống từ đó đến nay, ông bà nghĩ đã đăng ký kết hôn theo quy định nên không quan tâm đến việc đăng ký kết hôn đã đúng quy định hay chưa. Trong quá trình chung sống ông, bà không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn ông, bà không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà S không sống chung từ tháng 3 năm 2024 đến nay nên ông đồng ly hôn với bà S.

Về con chung ông T trình bày: ông và bà S có 3 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 22/10/1997, Đặng Thanh Q, sinh ngày 21/01/2003 và Đặng Thị Thu T1, sinh ngày 17/5/2011; hiện nay cháu N, cháu Q đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Đối với cháu T1 hiện nay đang còn đi học nên ông giao cho bà S nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Ông và bà S đã tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà S nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền 168.000.000 đồng và số nợ này bà S có trách nhiệm trả nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ trình bày: Số tiền ông T và bà S đang dư nợ tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ là 168.000.000 đồng và lãi suất hàng tháng của các khoản vay, khi ông T, bà S ly hôn thì đề nghị ông bà phải tất toán xong các khoản vay và lãi suất còn nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ. Cụ thể: khoản vay thứ nhất là số tiền 18.000.000 đồng theo hợp đồng 6600000722485495 ngày vay 22/3/2022 và hạn trả là 22/3/2027, mục đích vay vốn là đào giếng và làm nhà vệ

sinh; khoản vay thứ hai là số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng 6600000723548384 ngày vay 22/6/2022 và hạn trả là 22/9/2027, mục đích vay vốn là chi phí học tập; Khoản vay thứ ba là số tiền 50.000.000 đồng theo hợp đồng 6600000728519213 ngày vay 22/5/2024 và hạn trả là 22/5/2027, mục đích vay vốn là chăn nuôi bò sinh sản.

Ngày 22/02/2025 bà Phan Thị S đã tắt toán khoản vay nói trên và ngày 25/02/2025 Toà án nhân dân huyện Đạ Huoai nhận được đơn đề nghị rút đơn khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 13/11/2024 và ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đ tại Ủy ban nhân dân xã Q thể hiện: Theo sổ bộ đăng ký kết hôn lưu tại Ủy ban nhân dân xã từ năm 1995 đến nay không có trường hợp ông Đặng T, sinh năm 1979 và bà Phan Thị S, sinh năm: 1978 có nơi cư trú tại Thôn 2, xã Q, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q; Tình trạng hôn nhân của ông T, bà S tại địa phương thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ban nhân dân thôn đã tiến hành hoà giải nhiều lần.

Tại biên bản xác minh ngày 12/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai tại Công an xã Q thể hiện: Ông Đặng T, sinh năm 1979 có vợ là bà Phan Thị S, sinh năm 1978 có nơi cư trú tại Thôn 2, xã Q, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Theo nội dung công Văn số 12/PTP ngày 15/01/2025 của Phòng Tư pháp huyện Đạ Huoai thể hiện: Phòng Tư pháp huyện Đạ Huoai không lưu trữ Sổ đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân xã Q và Giấy khai đăng ký kết hôn của đương S giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai không có giá trị chứng minh về tình trạng hôn nhân của ông Đặng T và bà Phan Thị S do việc thực hiện đăng ký kết hôn chưa tuân thủ Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn trình bày: năm 1995 giữa bà, ông tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng từ đó đến nay; Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng; Về con chung có 03 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 22/10/1997, Đặng Thanh Q, sinh ngày 21/01/2003 và Đặng Thị Thu T1, sinh ngày 17/5/2011, hiện nay cháu N, cháu Q đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét; Khi ly hôn bà xin nuôi con chung tên Đặng Thị Thu T1 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn trình bày: Qua mai mối nên năm 1995 giữa bà, ông tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng từ đó đến nay; Cuộc sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn nay bà S yêu cầu giải quyết ly hôn thì ông đồng ý; Về con chung giữa bà, ông có 3 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 22/10/1997, Đặng Thanh Q, sinh ngày 21/01/2003 và Đặng Thị Thu T1, sinh ngày 17/5/2011, hiện nay cháu N, cháu Q đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án xem xét, đối với cháu T1 hiện nay đang còn đi học nên ông giao cho bà S nuôi và ông không cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều Điều 14, 51, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị S và ông Đặng T; Giao con chung tên Đặng Thị Thu T1, sinh ngày 17/5/2011 cho bà Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng; bà S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Xuất phát từ việc nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 vì vậy đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; ông T hiện nay đang cư trú tại Thôn 2, xã Q, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về hôn nhân*: Năm 1995 nguyên đơn, bị đơn qua mai mối của hai bên gia đình rồi tiến tới hôn nhân và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương; sau đó có đến Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C nay là huyện Đa Huoai làm thủ tục đăng ký kết hôn, được cấp giấy khai đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ đó đến nay; nguyên đơn, bị đơn cho rằng đã đăng ký kết hôn nên không quan tâm đến việc đăng ký kết hôn đã đúng quy định hay chưa. Trong quá trình chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bị đơn thường xuyên dùng bạo lực, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 3 năm 2024 ông bà không còn sống chung mạnh ai nấy sống, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì. Hội đồng xét xử nhận thấy: Giấy khai đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Q cấp ngày 28/11/1995 thể hiện ông Đặng T, sinh ngày 10/02/1977 là chưa đủ tuổi để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Hơn nữa, công Văn số 12/PTP ngày 15/01/2025 của Phòng Tư pháp huyện Đa Huoai khẳng định Giấy khai đăng ký kết hôn của đương S giao nộp cho Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai không có giá trị chứng minh về tình trạng hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn do việc thực hiện đăng ký kết hôn chưa tuân thủ Theo Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ông Đặng T sinh năm 1979 và sau năm 1995 đến nay nguyên đơn, bị đơn không đến chính

quyền địa phương để tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn; Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do vậy nguyên đơn, bị đơn không được pháp luật công nhận là vợ chồng; mâu thuẫn giữa nguyên đơn, bị đơn đã xảy ra, các bên không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, ông bà đã tự thỏa thuận với nhau và tách ra mỗi người sống một nơi như vậy vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị S và ông Đặng T là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Nguyên đơn, bị đơn có 03 con chung tên Đặng Thị Bích N, sinh ngày 22/10/1997, Đặng Thanh Q, sinh ngày 21/01/2003 và Đặng Thị Thu T1, sinh ngày 17/5/2011, hiện nay cháu N, cháu Quý đã đủ 18 tuổi nên Tòa án không xem xét; Nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung tên Đặng Thị Thu T1, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con và được bị đơn đồng ý, xét đây là S tự nguyện của các đương S nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thừa nhận có nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng số tiền 168.000.000 đồng đến ngày 22/02/2025 nguyên đơn đã tắt toán khoản vay nói trên nên ngày 25/02/2025 Toà án nhân dân huyện Đạ Huoai nhận được đơn đề nghị rút đơn khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, xét đây là S tự nguyện của các đương S nên cần đình chỉ yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với nợ chung.

[6] *Về án phí*: Bà Phan Thị S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị S về việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Đặng T.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị S và ông Đặng T.

2. *Về con chung*: Giao con chung tên Đặng Thị Thu T1, sinh ngày 17/5/2011 cho bà Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu.

4. *Về tài sản chung*: Không yêu cầu.

5. *Về nợ chung*: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đối với nợ chung.

6. *Về án phí*: Bà Phan Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0008462 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đạ Huoai;
- Chi cục THADS huyện Đạ Huoai;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hiền